

UBND TỈNH CÀ MAU
SỞ NỘI VỤ
Số: 3024 /QĐ-SNV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Cà Mau, ngày 30 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt danh sách viên chức đủ điều kiện, tiêu chuẩn xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV lên hạng III và từ hạng III lên hạng II tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Nội vụ năm 2026

GIÁM ĐỐC SỞ NỘI VỤ

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành Nội quy và quy chế tuyển dụng, nâng ngạch, xét thăng hạng công chức, viên chức;

Căn cứ Quyết định số 005/2025/QĐ-UBND ngày 03/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ tỉnh Cà Mau;

Căn cứ Quyết định số 2420/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc phê duyệt chỉ tiêu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV lên hạng III, từ hạng III lên hạng II tại các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Nội vụ.

Căn cứ Đề án số 723/ĐA-SNV ngày 26/6/2026 của Sở Nội vụ tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV lên hạng III, từ hạng III lên hạng II tại các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Nội vụ.;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Sở Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách viên chức đủ điều kiện, tiêu chuẩn xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV lên hạng III, từ hạng III lên hạng II tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Nội vụ năm 2026, với tổng số 15 viên chức, cụ thể như sau:

a) Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý: 05 chỉ tiêu.

- Chuyên viên lên Chuyên viên chính : 05 chỉ tiêu;

b) Viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý: 10 chỉ tiêu.

- Lưu trữ viên lên Lưu trữ viên chính : 08 chỉ tiêu;
- Kế toán viên trung cấp (hạng IV) lên
Kế toán viên (hạng III) : 01 chỉ tiêu;
- Cán sự lên Chuyên viên : 01 chỉ tiêu;

(có danh sách chi tiết kèm theo)

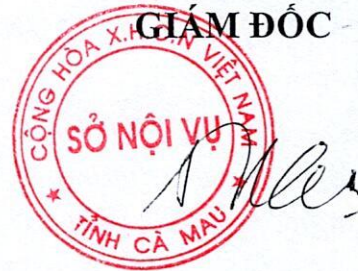
Điều 2. Giao Hội đồng xét thăng hạng viên chức năm 2026 chủ trì tham mưu tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV lên hạng III, từ hạng III lên hạng II tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Nội vụ năm 2026.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng các phòng, ban, trung tâm thuộc Sở Nội vụ, các thành viên Hội đồng và các ông, bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. *Thư*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Giám đốc, các Phó Giám đốc;
- Lưu VT, VP.



Nguyễn Minh Nhứt

UBND TỈNH CÀ MAU
SỞ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

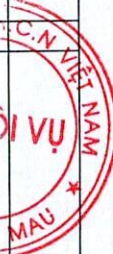


DANH SÁCH VIỆN CHỨC CÓ ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN DỰ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP CHUYÊN TỪ HẠNG III LÊN HẠNG II VÀ TỪ HẠNG VI LÊN HẠNG III NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số: 3024/SNV-VP ngày 30/7/2026 của Sở Nội vụ)

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự xét						Có đề án, công trình, nhiệm vụ khoa học...		Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Ghi chú
		Nam	Nữ				Hệ số lương	Mã CDNN hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị	Trình độ quản lý nghề nghiệp	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Quyết định tham gia Tổ soạn thảo	Sản phẩm (Nghị quyết, Quyết định,...)	Tin học	Ngoại ngữ			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15		16	17	18	19	
A TRUNG TÂM LƯU TRỮ LỊCH SỬ																				
* THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP TỪ KẾ TOÁN VIÊN TRUNG CẤP (HẠNG IV) LÊN KẾ TOÁN VIÊN (HẠNG II)																				
I	Kế toán viên: 01 chỉ tiêu																			
1	Vương Thị Tuyết Trinh		09/7/1984	Kế toán viên trung cấp	Trung tâm LTLS	16 năm 07 tháng (01/01/2010)	3.46	V.06.032	Cử nhân Kế toán	TC	Bồi dưỡng nghiệp vụ kế toán viên	B	B			X	X			
* THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP TỪ LƯU TRỮ VIÊN LÊN HẠNG LƯU TRỮ VIÊN CHÍNH																				
II	Lưu trữ viên chính: 03 chỉ tiêu																			
1	Nguyễn Kim Bảng		15/7/1990	Lưu trữ viên	Trung tâm LTLS	10 năm 05 tháng (01/3/2017)	3,66	V.01.02.02	Cử nhân Lưu trữ và Quản trị văn phòng	TC	Đang học CVC	A	B			X	X		Bảng chuyên ngành Lưu trữ	
2	Võ Tổ Quyền		20/7/1982	Lưu trữ viên	Trung tâm LTLS	15 năm (01/8/2016)	3.99	V.02.02.02	Cử nhân Lưu trữ và Quản trị văn phòng	TC	Đang học CVC	A	B			X	X		Bảng chuyên ngành lưu trữ	
3	Võ Hồng Nhi		13/8/1984	Lưu trữ viên	Trung tâm LTLS	16 năm 01 tháng (01/7/2010)	3.99	V.02.02.02	Cử nhân Lưu trữ và Quản trị văn phòng	TC		B	B			X	X		Bảng chuyên ngành lưu trữ	
4	Huỳnh Yến Nhi		01/3/1990	Lưu trữ viên	Trung tâm LTLS	12 năm 02 tháng (01/5/2014)	3,66	V.02.02.02	Cử nhân Lưu trữ và Quản trị văn phòng	TC		B	B			X	X		Bảng chuyên ngành lưu trữ	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự xét					Có đề án, công trình, nhiệm vụ khoa học...		Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Ghi chú
		Nam	Nữ				Hệ số lương	Mã CDNN hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị	Trình độ quản lý nghề nghiệp	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Quyết định tham gia Tổ soạn thảo	Sản phẩm (Nghị quyết, Quyết định,...)	Tin học	Ngoại ngữ		
5	Đoàn Khánh Ly		12/8/1991	Lưu trữ viên	Trung tâm LTLS	11 năm 09 tháng (01/11/2014)	3,66	V.02.02.02	Cử nhân Lưu trữ và Quản trị văn phòng	TC		A	B			X	X		Bảng chuyên ngành lưu trữ
6	Bùi Thúy Diễm		25/12/1982	Lưu trữ viên	Trung tâm LTLS	16 năm 01 tháng (01/7/2010)	3.99	V.02.02.02	Cử nhân Lưu trữ và Quản trị văn phòng	TC		B	B			X	X		Bảng chuyên ngành lưu trữ
7	Nguyễn Thị Trang Kim Yến		26/4/1986	Lưu trữ viên	Trung tâm LTLS	17 năm (01/8/2009)	3.99	02.014	Cử nhân Lưu trữ và Quản trị văn phòng	TC		A	B			X	X		Bảng chuyên ngành lưu trữ
8	Hồ Minh Thúc	15/8/1985		Lưu trữ viên	Trung tâm LTLS	14 năm (01/8/2012)	3.99	02.014	Cử nhân Lưu trữ và Quản trị văn phòng	TC		A	B			X	X		Bảng chuyên ngành lưu trữ
B TRUNG TÂM DỊCH VỤ VIỆC LÀM																			
* THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP TỪ CHUYÊN VIÊN LÊN CHUYÊN VIÊN CHÍNH																			
I Chuyên viên chính (hạng II): 03 chỉ tiêu																			
1 Ban Giám đốc: 03 chỉ tiêu																			
1.1	Quách Thanh Thoảng		08/06/1981	Giám đốc	TTDVVL	15 năm (01/8/2011)	4,32	01.003	Cử nhân QTNL	CC		B	C	Thành viên Tổ soạn thảo NQ HĐND (Quyết định số 187/QĐ-SLĐTBXH ngày 21/5/2019)	Nghị quyết số 21/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019	X	X		
1.2	Nguyễn Hoàng Vũ	16/03/1980		Phó GĐ	TTDVVL	11 năm 7 tháng (01/01/2015)	3,99	01.003	Ths CTXH; ĐH Kế toán	CC		B	Bậc 3	Thành viên Tổ soạn thảo NQ HĐND (Quyết định số 5899/QĐ-SLĐTBXH ngày 04/10/2018)	Nghị quyết số 15/2018/NQ-HĐND ngày 06/12/2018	X	X		

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự xét						Có đề án, công trình, nhiệm vụ khoa học...		Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Ghi chú
		Nam	Nữ				Hệ số lương	Mã CDNN hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị	Trình độ quản lý nghề nghiệp	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Quyết định tham gia Tổ soạn thảo	Sản phẩm (Nghị quyết, Quyết định,...)	Tin học	Ngoại ngữ			
1.3	Nguyễn Văn Sánh	10/12/1977		Phó ĐĐ	TTDVVL	17 năm 8 tháng (01/12/2008)	4,65	01.003	Ths Luật HP và HC; ĐH Hành chính	CC		B	B	Thành viên Dự án KH&CN cấp tỉnh (Giấy chứng nhận số 15/GCN-NVKHCN ngày 10/8/2023)	Giấy chứng nhận số 15/GCN-NVKHCN ngày 10/8/2023	X	X			
C TRUNG TÂM CHĂM SÓC NGƯỜI CÓ CÔNG																				
* THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP TỪ CHUYÊN VIÊN LÊN CHUYÊN VIÊN CHÍNH																				
I Chuyên viên chính (hạng II): 02 chỉ tiêu																				
1 Ban Giám đốc: 02 chỉ tiêu																				
1.1	Tăng Văn Tám	12/11/1968		Giám đốc	Trung tâm Chăm sóc người có công	11 năm 7 tháng (01/01/2015)	4.98 (VK 7%)	01.003	Đại học Luật	CC	CVC	B	B	1. Tổ viên Tổ soạn thảo Nghị quyết HĐND tỉnh QĐ số 5436/QĐ-SLĐT BXH, ngày 21/8/2020. Công văn số 3610/UBND-KGVX, ngày 18/8/2020 về việc đồng ý chủ trương xây dựng Nghị quyết trình Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài thyeo hợp đồng giai đoạn 2021-2025 2. Tổ phó Tổ soạn thảo Quyết định của UBND tỉnh, QĐ số 6547/QĐ-SLĐT BXH, ngày 14/10/2024. Quyết định số 1624/QĐ-UBND ngày 12/9/2024 của UBND tỉnh Bạc Liêu Ban hành Danh mục văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết các nội dung Luật Đất đai 2024. 3. Tổ phó Tổ soạn thảo Quyết định của UBND tỉnh, QĐ số 729/QĐ-SNV, ngày 10/9/2025. Công văn số 05193/UBND-KGVX ngày 02/10/2025 về việc thống nhất chủ trương xây dựng Quyết định phân cấp thực hiện việc cấp, cấp lại, giải hạn, thu hồi giấy phép lao động và giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh Cà Mau.	1. Nghị quyết số 15/2020/NQ-HĐND, ngày 08/12/2020 của HĐND tỉnh Bạc Liêu về quy định chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu giai đoạn 2021-2025 2. Quyết định số 42/2024/QĐ-UBND, ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh về quy định mức hỗ trợ, hình thức đào tạo, chuyển đổi nghề và giải quyết việc làm cho người có đất thu hồi là đất nông nghiệp, đất ở kết hợp kinh doanh dịch vụ trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu 3. Quyết định số 047/2025/QĐ-UBND, ngày 26/11/2025 về phân cấp cho Sở Nội vụ thực hiện việc cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi giấy phép lao động và giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh Cà Mau	X	X			



TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự xét					Có đề án, công trình, nhiệm vụ khoa học...		Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Ghi chú
		Nam	Nữ				Hệ số lương	Mã CDNN hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị	Trình độ quản lý nghề nghiệp	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Quyết định tham gia Tổ soạn thảo	Sản phẩm (Nghị quyết, Quyết định,...)	Tin học	Ngoại ngữ		
1.2	Huỳnh Văn Khắp	01/07/1984		Phó Giám đốc	Trung tâm Chăm sóc người có công	09 năm 02 tháng (01/6/2017)	3.66	01.003	Đại học Kế toán	CC	CVC	A	B	Giấy xác nhận số 01/GXN-TTCSNCC, ngày 23/7/2026	- Quyết định số 02/QĐ-TTCSNCC ngày 02/5/2026 của Giám đốc Trung tâm Chăm sóc người có công về việc ban hành quy chế làm việc của Trung tâm chăm sóc người có công - Quyết định số 27/QĐ-TTCSNCC ngày 23/3/2026 của Giám đốc Trung tâm Chăm sóc người có công về việc ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của Trung tâm Chăm sóc người có công - Đề án số 131/ĐA-SNV ngày 26/8/2025 của giám đốc Swor Nội vụ tỉnh Cà Mau về việc Tổ chức lại Trung tâm Điều dưỡng người có công thuộc Sở Nội vụ tỉnh Cà Mau. - Quyết định số 2272/QĐ-SNV ngày 24/6/2026 của Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Cà Mau về việc phê duyệt Đề án vị trí việc làm và cơ cấu chvuscdanh nghề nghiệp viên chức của Trung tâm Chăm sóc người có công thuộc Sở Nội vụ	X	X		
* THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP TỪ CÁN SỰ LÊN CHUYÊN VIÊN																			
II Chuyên viên (hạng III): 01 chỉ tiêu																			
1.3	Lê Nguyên Đáng	15/01/1981		Cán sự	Trung tâm Chăm sóc người có công	10 năm (01/8/2016)	3.34	01.004	Đại học Công tác xã hội		CV	A	B			X	X		